

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/ TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại C (sau đây viết tắt là Ngân hàng A)  
Địa chỉ: Số 442 đường N, phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh;

- Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T, chức vụ: Tổng giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Nghệ An. (Giấy ủy quyền số 67/UQ-ACBA.16 ngày 09/3/2016)

- Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Xuân K, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ. (Giấy ủy quyền số 04/UQ-NGA.18 ngày 10/01/2018)

Địa chỉ: Số 37A, đường Q, phường Q, Thành Phố V, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Đình D, sinh năm 1983 và chị Trịnh Thị Kim T, sinh năm 1984, đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố 11, Thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1, Anh Bùi Đình D và chị Trịnh Thị Kim T phải thanh toán cho Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng số QUB.CN.270.130.215 ngày 14/02/2015 với số tiền là 400.000.000đồng tính đến ngày 28/02/2018 đã trả được 146.711.390đồng, còn nợ 293.804.291đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu tám trăm linh bốn nghìn hai trăm chín mươi một) đồng (gốc: 253.288.610 đồng, lãi: 39.943.673đồng lãi quá hạn: 572.008đồng).

2.2, Anh Bùi Đình D và chị Trịnh Thị Kim T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 01/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà vợ chồng anh D chị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

2.3, Trường hợp nếu vợ, chồng anh D chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ: khối 11, Thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 965675 số vào sổ CGCN:CH.02851 số 2557 - QĐ-UBND ngày 27/12/2014 thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông Bùi Đình D và bà Trịnh Thị Kim T. (theo hợp đồng thế chấp QUB.BĐCN109.130215 ngày 13/02/2015 tại UBND thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh).

2.4, Trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để trả nợ thì anh D chị Thoa phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi tất toán khoản nợ.

2.5, Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 5, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Bùi Đình D và chị Trịnh Thị Kim T phải nộp 7.345.107 (Bảy triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm linh bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng A 7.000.000 (bảy triệu) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số 0000553 ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N tỉnh Hà Tĩnh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- CCTHADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Thị Hương**